

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST
Ngày 27-6-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Cận

Ông Trần Văn Phơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Cty S;** Địa chỉ: Số xxx đường QL, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức Kh,** sinh năm 1961; Địa chỉ: Số xxx đường THD, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng – Phó Tổng giám đốc; Theo Giấy ủy quyền số 15/GUQ-CTĐT ngày 29-11-2018 của ông Lâm Hữu T - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc; (có mặt)

- **Bị đơn:** **Cty B;** Địa chỉ: Số xxC đường NDK, Phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18-12-2018 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đức Kh là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12-10-2015, Cty S (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên

Công trình Đô thị) và Cty B ký Hợp đồng số 88/HĐ-CTĐT về việc thực hiện dịch vụ gom, xử lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và rút hầm cầu. Thời gian thực hiện dịch vụ bắt đầu từ ngày 12-10-2015 đến ngày 12-10-2016, tuy nhiên Cty B chỉ trả tiền cho Cty S đến tháng 6-2016, sau đó không toán nữa cho Cty S. Hiện nay, Cty B còn nợ tiền dịch vụ của Cty S từ tháng 7-2016 đến tháng 10-2016 (04 tháng) số tiền là 101.700.000 đồng. Sau nhiều lần Cty S tiến hành gửi văn bản yêu cầu Cty B vẫn không thanh toán.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Cty B phải trả cho Cty S số tiền gốc là 101.700.000 đồng. Rút một phần yêu cầu tính lãi, không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 12-10-2016 đến ngày xét xử, mà chỉ yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cty B thanh toán hết nợ cho Cty S.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn Cty B đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, nguyên đơn và bị đơn đã có biên bản đối chiếu công nợ với nhau và đến nay bị đơn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn Cty B vắng mặt lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Cty S yêu cầu bị đơn Cty B trả tiền nợ dịch vụ gom, xử lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và rút hầm cầu theo Hợp đồng số 88/HĐ-CTĐT ngày 12-10-2015. Nên đây là tranh chấp về

kinh doanh, thương mại và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về thẩm quyền giải quyết: Theo thỏa thuận tại Đoạn 2 Điều V về các điều khoản chung thì trong trường hợp Bên A hoặc Bên B có tranh chấp, vi phạm những điều khoản trong hợp đồng, hai bên sẽ thương lượng trên cơ sở hợp tác và bình đẳng có lợi cho cả 02 bên, nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố S để giải quyết. Theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố S.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện buộc Cty B phải trả cho Cty S số tiền gốc là 101.700.000 đồng, thấy:

Hợp đồng dịch vụ số 88/HĐ-CTĐT giữa Cty S với Cty B được ký kết ngày 12-10-2015 trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa hay có sự ép buộc, do các cá nhân có đầy đủ tư cách đại diện và năng lực hành vi dân sự giao kết. Nội dung và điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự cũng không tranh chấp về nội dung và điều khoản của hợp đồng. Do đó, xác định Hợp đồng dịch vụ số 88/HĐ-CTĐT có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì từ ngày 12-10-2015 đến ngày 12-10-2016, Cty S đã thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và rút hầm cầu tại ấp TD, xã LD, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, nhưng Cty B chỉ trả tiền thanh toán cho Cty S đến tháng 6 năm 2016, sau đó không thanh toán nữa. Cty B còn nợ tiền dịch vụ từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2016 (04 tháng) với tổng số tiền là 101.700.000 đồng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, Cty S có văn bản đề nghị thanh toán số 02/ĐN-CTĐT gửi đến Cty B yêu cầu thanh toán số tiền 101.700.000 đồng kèm theo các Hóa đơn giá trị gia tăng từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2016. Tiếp tục đến ngày 20 tháng 10 năm 2017 Cty S có văn bản đề nghị Cty B thanh toán số tiền 101.700.000 đồng. Thời hạn thanh toán đến ngày 03 tháng 11 năm 2017.

Vào ngày 03 tháng 11 năm 2017, Cty B có văn bản gửi Cty S thừa nhận đã nhận được Giấy đề nghị thanh toán gửi ngày 20/10/2017. Hiện nay, công ty đang khó khăn về tình hình tài chính, các khoản nợ chưa thu được. Vì thế, mong sự hỗ trợ từ phía Cty S để Cty B vượt qua giai đoạn khó khăn. Sau khi thu hồi được các khoản nợ của khách hàng, sẽ thực hiện chi trả cho khoản đề nghị thanh toán này. Đến ngày 22 tháng 01 năm 2018, Cty S gửi Thư xác nhận nợ phải thu đến Cty B thì ông Nguyễn Quốc H ký và đóng dấu Cty B xác nhận số tiền phải

trả cho Cty S là 101.700.000 đồng. Theo quy định Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu Cty B thanh toán số tiền 101.700.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu buộc Cty B thanh toán số tiền lãi từ ngày 12-10-2016 đến ngày xét xử, cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án, thấy: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi, không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 12-10-2016 đến ngày xét xử, mà chỉ yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cty B thanh toán hết nợ cho Cty S là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm g Khoản 1 Điều 40; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95; Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 513; Điều 514; Khoản 2 Điều 515; Khoản 3 Điều 518; Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cty S.

1.1. Buộc Cty B thanh toán số tiền nợ gốc là 101.700.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu bảy trăm nghìn đồng*) cho Cty S;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc cho Cty S.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Cty S yêu cầu buộc Cty B thanh toán số tiền lãi từ ngày 12-10-2016 đến ngày xét xử;

2. Về án phí: Bị đơn Cty B phải nộp 5.085.000 đồng (*Năm triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn Cty S không phải nộp án phí. Trả nguyên đơn Cty S số tiền tạm ứng án phí là 3.286.000 đồng (*Ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004855 ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng